

Bản án số: 65/2025/DS-PT

Ngày: 24 – 02 – 2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng giao khoán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng, bà Nguyễn Thị My My

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 418/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng giao khoán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện CK, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty TNHH MTV Cà phê VĐ.

Địa chỉ: Km 12, Quốc lộ 27, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn B – Giám đốc Công ty.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn 6, xã HT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn 8, xã EK, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Ái H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn 8, xã EK, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Đình D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Sỹ T trình bày:**

Ông Nguyễn Đình D là công nhân trực tiếp sản xuất vườn cây tại Công ty TNHH MTV Cà phê VĐ (gọi tắt là Công ty) từ năm 2007 đến tháng 7 năm 2019. Năm 2011 Công ty đã giao khoán cho ông D vườn cây cà phê 0,95 ha trồng năm 1981, chất lượng loại A đạt 100% theo Hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê, ngày 20/09/2011 theo đúng quy định tại Điều 12 Nghị định 135/2005 của Chính phủ. Tại thời điểm giao khoán thì tuổi của vườn cây cà phê là 30 năm, đang trong thời kỳ kinh doanh có giá trị kinh tế.

Năm 2014 trước tình hình vườn cây cà phê già cỗi, năng suất thấp. Công ty đã thực hiện phương án tái canh và đã được Tổng công ty Cà phê Việt Nam phê duyệt theo quyết định số 313/QĐ-HĐTV ngày 06/8/2014. Công ty đã thông báo nhưng ông D không thực hiện đăng ký các thủ tục tái canh theo phương án của Công ty mà tự ý nhổ cây cà phê của Công ty để tự trồng lại làm phá vỡ quy hoạch, kế hoạch của Công ty là vi phạm hợp đồng giao khoán. Căn cứ điểm 1.8, tiểu mục 1, Điều 3 của Hợp đồng khoán 2011-2015 thì *“Khi hết chu kỳ kinh doanh, công ty lập các thủ tục cần thiết để thanh lý vườn cây cà phê và chuẩn bị phương án tổ chức sản xuất mới theo quy hoạch sản xuất”*.

Sau khi hết thời hạn giao khoán theo Hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê ngày 20/09/2011, Công ty triển khai gia hạn hợp đồng hai năm (năm 2016 – 2017) và ký kết lại hợp đồng giao khoán giai đoạn 2018- 2022 theo phương án khoán đã được tổng Công ty cà phê Việt Nam phê duyệt nhưng ông D không ký mà vẫn tổ chức sản xuất và thu hoạch sản phẩm trên diện tích đất sản xuất cà phê đã nhận giao khoán nêu trên.

Quá trình sản xuất và thu hoạch ông D đã tự ý nhổ bỏ cà phê già cỗi (theo cách thức là nhổ bỏ dần trong thời gian sản xuất) để trồng mới cà phê, trồng xen các loại cây sầu riêng, tiêu, bơ, điều, muông đen, gòn là vi phạm về kỹ thuật trồng xen theo Công văn số 186/TCT-HĐTV ngày 11/4/2019 của Tổng công ty cà phê Việt Nam nên không được Công ty đồng ý. Do đó Công ty yêu cầu ông D phải trả lại diện tích đất và vườn cây cà phê trên diện tích đất nhận khoán hiện nay cho Công ty vì vườn cây cà phê khi Công ty giao khoán cho ông D là đang trong thời kỳ kinh doanh. Đối với các loại cây sầu riêng, tiêu, bơ, điều, muông đen, gòn mà ông D tự ý trồng xen trong vườn cà phê không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, đây là lỗi của ông D, hiện nay Công ty không có nhu cầu sử dụng và các loại cây trồng này trực tiếp làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng vườn cây cà phê, thay đổi cơ cấu trồng trong vườn cây cà phê.

Ngày 28/7/2019 ông D làm đơn xin ngừng đóng bảo hiểm, Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động với ông D kể từ ngày 05/10/2019 theo Quyết định số 120/QĐ/CT-TCCB ngày 26/12/2019 nhưng ông D vẫn tiếp tục quản lý, canh tác trên diện tích đất và vườn cây cà phê theo hợp đồng nêu trên.

Trong quá trình giao nhận khoán, từ năm 2015 đến nay ông D không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty và không nộp tiền thuê đất theo phương án khoán. Qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách kế toán và các chứng từ tại Công ty thì ông Nguyễn Đình D còn nợ Công ty các khoản tiền sau: Nợ sản phẩm cà phê quả tươi từ năm 2015 đến năm 2022 là 11.089kg, quy thành tiền là 82.418.000 đồng, tiền lãi suất chậm trả tính đến ngày 30/8/2024 theo mức lãi suất 0,8%/ tháng là 24.915.000 đồng; tiền thuê đất nông nghiệp từ năm 2006 đến năm 2013 và từ năm 2015 đến năm 2019 là 8.050.800 đồng, tiền lãi suất chậm trả theo mức lãi suất

0,03%/ngày tính đến ngày 30/8/2024 là 6.669.000 đồng. Tổng cộng là 122.052.800 đồng, trong đó gốc là 90.468.800 đồng, nợ lãi tính đến ngày 30/8/2024 là 31.584.000 đồng. Sau khi tổng hợp công nợ Công ty đã nhiều lần gửi thông báo, đối chiếu và yêu cầu ông D thanh toán số tiền nợ trên cho Công ty nhưng ông D không hợp tác và đến nay vẫn không trả nợ cho Công ty.

Do ông D vi phạm hợp đồng giao khoán nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Tuyên chấm dứt hợp đồng giao khoán giữa Công ty với ông Nguyễn Đình D, buộc ông D phải trả lại toàn bộ diện tích đất, vườn cây cà phê của Công ty đã giao khoán cho ông D theo Hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê ngày 20/9/2011, diện tích là 9.500m² thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 10, tại xã EK, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

- Buộc ông Nguyễn Đình D phải chặt bỏ các loại cây trồng gồm: sầu riêng, tiêu, bơ, điều, muồng đen, gòn đã trồng không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

- Buộc ông Nguyễn Đình D trả cho Công ty số tiền 122.052.800 đồng, trong đó gốc là 90.468.800 đồng, nợ lãi tính đến ngày 30/8/2024 là 31.584.000 đồng, bao gồm: Nợ sản phẩm cà phê từ năm 2015 đến năm 2022 là 11.089kg, quy thành tiền là 82.418.000 đồng, tiền lãi suất chậm trả tính đến ngày 30/8/2024 là 24.915.000 đồng; tiền thuế đất nông nghiệp từ năm 2006 đến năm 2013 và từ năm 2015 đến năm 2019 là 8.050.800 đồng, tiền lãi suất chậm trả tính đến ngày 30/8/2024 là 6.669.000 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 31/8/2024 cho đến khi ông D thanh toán hết nợ cho Công ty.

*** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Đình D trình bày:**

Ông không vay, không nợ của Công ty TNHH MTV cà phê VĐ (Công ty) khoản tiền đầu tư nào. Ông không hiểu tiền thuê đất là tiền gì, khoản thu thuế đất không thể hiện trong hợp đồng giao khoán là ông thuộc đối tượng nào, nộp bao nhiêu % theo Nghị quyết số 55 của Quốc hội khóa 12 năm 2010. Về việc ký hợp đồng để nộp sản thì theo quy định tại Điều 12 Nghị định 135/2005 của Chính phủ đã nêu rõ: Giao khoán đất phải gắn liền với vườn cây. Trên thực tế vườn cây đã 40 năm không còn nữa do đã chết hết, toàn bộ cây trồng trên đất hiện nay là do ông tự trồng và chăm sóc.

Ông không làm thiệt hại gì đến tài sản của Công ty, hơn nữa gia đình ông được Nhà nước điều đi làm kinh tế vùng an ninh đệm, nay Công ty đòi lấy đất thì gia đình ông sinh sống bằng cách nào. Vì vậy ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ái H:** Tại cấp sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Ái H không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Ái H đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Đình D.

Tại Bản án số 37/2024/DS-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, 165, 220, 217, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 281, 501, 502, 503, 506, 510, 511 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 278, khoản 3 Điều 279, khoản 4 Điều 482, khoản 4, 6 Điều 488 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1, 2, 3 Điều 59 Luật quản lý thuế. Các Điều 8, 9, 10 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Mục IV, V Phần I Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005 ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Cà phê VĐ.

1. Tuyên chấm dứt hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê giai đoạn 2011 - 2015 ngày 20/09/2011 giữa Công ty TNHH MTV cà phê VĐ với ông Nguyễn Đình D.

2. Buộc ông Nguyễn Đình D phải trả cho Công ty TNHH MTV Cà phê VĐ diện tích 9.500m² đất nhận khoán cùng toàn bộ vườn cây cà phê trên đất thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 10 tại xã EK, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk. Có vị trí, ranh giới như sau: Đông giáp đường lô dài 91,05m; Tây giáp đường lô dài 97,05m; Nam giáp đường lô dài 99,01m; Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 20 dài 103m.

3. Buộc ông Nguyễn Đình D phải chặt bỏ các loại cây đã trồng không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, bao gồm: 67 cây Sầu riêng, 15 cây Điều, 05 cây Bơ Booth, 138 cây Tiêu leo trụ là cây muồng đen, 230 cây Tiêu leo trụ là cây Gòn, 138 cây Muồng đen, 152 cây Gòn. Công ty TNHH MTV Cà phê VĐ không có nghĩa vụ phải thanh toán lại giá trị các loại cây này cho ông D.

4. Buộc ông Nguyễn Đình D có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV Cà phê VĐ sản phẩm còn nợ là 11.089kg cà phê quả tươi (tương đương 2.549 kg cà phê nhân xô) và tiền lãi tính đến hết ngày 30/8/2024 là 24.915.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng*).

Trong trường hợp ông D không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ bằng cà phê, thì có thể trả bằng tiền theo giá cà phê tại địa bàn huyện CK tại thời điểm trả nợ, cho đến khi trả nợ xong.

5. Buộc ông Nguyễn Đình D có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV Cà phê VĐ tiền thuê đất từ năm 2006 đến năm 2019 là 8.050.800 đồng (*Tám triệu, không trăm năm mươi nghìn, tám trăm đồng*) và tiền lãi tính đến hết ngày 30/8/2024 là 6.669.000 đồng (*Sáu triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/9/2024 bị đơn ông Nguyễn Đình D kháng cáo bản án sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin với nội dung: Cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật có sai lầm, Đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Đình D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Công ty TNHH MTV cà phê VĐ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đình D. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk theo hướng tuyên buộc Công ty TNHH MTV cà phê VĐ phải trả cho ông D số tiền tương đương giá trị tài sản cây trồng xen trên đất giao khoán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đình D trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí DSPT là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Ngày 20/09/2011 Công ty và ông Nguyễn Đình D ký Hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê với diện tích đất 0,95 ha, tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 10 tại xã EK, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk. Từ năm 2011 đến năm 2015, hàng năm ông D thực hiện gần như đầy đủ nghĩa vụ nộp sản phẩm cho Công ty, chỉ còn thiếu nợ Công ty 424kg cà phê. Đến năm 2015 khi hợp đồng giao nhận khoán giai đoạn 2011 – 2015 kết thúc, Công ty triển khai gia hạn hợp đồng hai năm (năm 2016 – 2017) và ký lại hợp đồng giao khoán giai đoạn 2018 - 2022 theo phương án khoán đã được tổng Công ty cà phê Việt Nam phê duyệt nhưng ông D không ký và hai bên cũng không thanh lý hợp đồng với nhau, ông D vẫn tiếp tục khai thác sử dụng vườn cây của Công ty nhưng không nộp sản phẩm cho Công ty.

Như vậy, ông D đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng giao khoán với Công ty. Tại tiểu mục 2.1 mục 2 Điều III Hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê quy định “ *Bên giao khoán có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, thu hồi vườn cây và không đền bù những khoản hộ nhận khoán đã đầu tư nếu bên nhận khoán vi phạm nghiêm trọng quy trình chăm sóc, làm giảm chất lượng vườn cây, không trả nợ đúng hạn, tự động mua bán sang nhượng vườn cây không được Giám đốc Công ty chấp thuận*”.

Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố

chấm dứt Hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê giai đoạn 2011 – 2015 ký kết ngày 20/11/2019 giữa Công ty với ông Nguyễn Đình D, buộc ông D có nghĩa vụ trả lại diện tích đất 9.500m² tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 10 tại xã EK, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk đã nhận khoán cùng toàn bộ vườn cây cà phê trên đất cho Công ty là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với các loại cây do ông D trồng thêm trên đất gồm: 67 cây Sầu riêng, 15 cây Điều, 05 cây Bơ Booth, 138 cây Tiêu leo trụ là cây Muồng đen, 230 cây Tiêu leo trụ là cây Gòn, 138 cây Muồng đen, 152 cây Gòn. Mặc dù trong hợp đồng giao khoán cũng như trong Công văn số 186/TCT-HĐTV ngày 11/4/2019 có quy định cho trồng xen một số loại cây trong vườn giao khoán nhưng phải đảm bảo các điều kiện lập phương án trồng xen, được thông qua tại hội nghị người lao động và đảm bảo mật độ nhưng ông D tự ý trồng xen, không có ý kiến của Công ty nên đây là các cây trồng không hợp pháp. Hiện nay phía Công ty không đồng ý nhận lại vườn cây nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông D phải chặt bỏ để bàn giao lại cho Công ty diện tích đất nhận khoán là có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án Công ty đã cung cấp đầy đủ sổ sách, chứng từ thống kê số nợ sản phẩm của ông D từ năm 2015 đến năm 2022 và lãi suất bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng kể từ thời điểm chậm nộp nên bản án sơ thẩm buộc ông D phải trả cho công ty 11.089kg cà phê quả tươi (tương đương 2.549 kg cà phê nhân xô) và tiền lãi tính đến hết ngày 30/8/2024 là 24.915.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng*) là có căn cứ.

[2.2] Về tiền thuê đất nông nghiệp: Ông D canh tác và thu sản phẩm trên diện tích nhận khoán của Công ty nhưng không nộp tiền thuê đất cho Công ty theo phương án khoán nên ông D có nghĩa vụ trả cho Công ty tiền nợ thuê đất nông nghiệp cùng với lãi suất. Tuy nhiên, ông D ký hợp đồng giao khoán từ năm 2011 nhưng bản án sơ thẩm buộc ông D trả tiền thuê đất từ năm 2006 đến năm 2019 là chưa phù hợp, do đó cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông D, sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung này, buộc ông D trả cho Công ty tiền thuê đất từ năm 2015 đến 2019 là 6.910.200 đồng cùng lãi suất là 5.837.000 đồng.

[3]. Về án phí :

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm về phần nghĩa vụ nên phải sửa bản án về án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đình D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 17.240.835 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê VĐ 2.852.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0017866 ngày 28/11/2023.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bị đơn ông Nguyễn Đình D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đình D – Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, 165, 220, 217, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 281, 501, 502, 503, 506, 510, 511 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 278, khoản 3 Điều 279, khoản 4 Điều 482, khoản 4, 6 Điều 488 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1, 2, 3 Điều 59 Luật quản lý thuế. Các Điều 8, 9, 10 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Mục IV, V Phần I Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005 ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê VĐ.

1. Tuyên chấm dứt hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê giai đoạn 2011 - 2015 ngày 20/09/2011, giữa Công ty TNHH MTV Cà phê VĐ với ông Nguyễn Đình D.

2. Buộc ông Nguyễn Đình D phải trả cho Công ty TNHH MTV Cà phê VĐ diện tích 9.500m² cùng toàn bộ vườn cây cà phê trên đất thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 10 tại xã EK, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk. Có vị trí, ranh giới như sau: Đông giáp đường lô dài 91,05m; Tây giáp đường lô dài 97,05m; Nam giáp đường lô dài 99,01m; Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 20 dài 103m.

3. Buộc ông Nguyễn Đình D phải chặt bỏ các loại cây đã trồng không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, bao gồm: 67 cây Sầu riêng, 15 cây Điều, 05 cây Bơ Booth, 138 cây Tiêu leo trụ là cây Muồng đen, 230 cây Tiêu leo trụ là cây Gòn, 138 cây Muồng đen, 152 cây Gòn. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê VĐ không có nghĩa vụ phải thanh toán lại giá trị các loại cây này cho ông D.

4. Buộc ông Nguyễn Đình D có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê VĐ sản phẩm còn nợ là 11.089kg cà phê quả tươi (tương đương 2.549 kg cà phê nhân xô) và tiền lãi tính đến hết ngày 30/8/2024 là 24.915.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng*).

Trong trường hợp ông D không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ bằng cà phê, thì có thể trả bằng tiền theo giá cà phê tại địa bàn huyện CK tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả nợ xong.

5. Buộc ông Nguyễn Đình D có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV Cà phê VĐ tiền thuê đất từ năm 2015 đến năm 2019 là 6.910.800 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 30/8/2024 là 5.837.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

6. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Đình D phải chịu 4.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Công ty TNHH MTV Cà phê VĐ.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV Cà phê VĐ tiền chi phí tố tụng còn thừa là 6.000.000 đồng, Công ty đã được nhận lại theo biên bản trả tiền ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

7. Về án phí:

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Nguyễn Đình D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 17.240.835 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Công ty TNHH MTV Cà phê VĐ 2.852.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0017866 ngày 28/11/2023.

- *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Hoàn trả cho ông Nguyễn Đình D 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0006700 ngày 20/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện CK;
- Chi cục THADS huyện CK;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Trang

